

Bản án số: 161/2020/HS-PT
Ngày: 11/3/2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Thanh Nguyễn

2. Ông Phạm Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 602/2019/HSPT ngày 23 tháng 12 năm 2019, đối với bị cáo S do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 313/2019/HS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

S (tên gọi khác: Nghĩa); sinh năm 1983; tại: tỉnh G; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp BQ, xã BPN, huyện C, tỉnh G; chỗ ở: 927 tỉnh lộ 43, tổ 13, phường BC, quận X, Thành phố M; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B và bà A; vợ: D; con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

- Nhân thân: Ngày 08/6/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt hành chính 5.000.000 đồng về hành vi “*Hoạt động kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh mà không có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định*” theo Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ; và xử phạt hành chính số tiền 178.500.000 đồng, về hành vi “*Xả nước thải có chứa các thông số môi trường thông thường vào môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải từ 10 lần trở lên trong trường hợp thải lượng nước thải từ 10m³/ngày (24h) đến dưới 20m³*” theo quy định tại Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa: Ông T là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV CTL thuộc Đoàn luật sư Thành phố M, bào chữa cho bị cáo S (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/4/2018, Phòng PC05 Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra cơ sở chế biến nông sản tại địa chỉ: F45-F47 Đường số 2, KP 5, phường TB, quận X, Thành phố M do S làm chủ, phát hiện cơ sở của S có hành vi rửa thực phẩm (củ cải) bằng hóa chất; nên thu giữ vật chứng và lập biên bản làm việc đối với S. Ngày 08/6/2018, Phòng PC05 chuyển hồ sơ cho Công an quận Thủ Đức để điều tra xử lý về hành vi “Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm” đối với S.

Vật chứng thu giữ, gồm: 1.630 kg củ cải trắng đã được ngâm hóa chất, 1.500 kg củ cải đỏ đã được ngâm hóa chất và 250gram bột màu trắng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 1511/CV-HĐDGTSTTTHS ngày 16/07/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức, kết luận: 1.630 kg củ cải trắng, trị giá 4.075.000 đồng và 1.500 kg củ cải đỏ, trị giá 7.800.000 đồng. Tổng giá trị là 11.875.000 đồng.

Kết quả giám định 250g bột màu trắng là hóa chất Sodium dithionete ($\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_4$) và Sodium Sulfate (Na_2SO_4).Na.

Kết quả giám định củ cải đỏ, củ cải trắng thu giữ: có hàm lượng hóa chất Sodium dithionete ($\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_4$) và Sodium Sulfate (Na_2SO_4).

Theo Thông tư số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn về việc quản lý phụ gia thực phẩm thì Sodium dithionete ($\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_4$) và Sodium Sulfate (Na_2SO_4) là chất nằm ngoài danh mục được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm.

Tại Cơ quan CSĐT Công an quận Thủ Đức, S khai: S là chủ cơ sở chế biến nông sản tại địa chỉ: F45-F47 Đường số 2, khu phố 5, phường TB, quận X, Thành phố M, cơ sở của S chưa có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Từ tháng 11/2017, cơ sở kinh doanh của S thuê 03 công nhân tên N, V và M (chưa rõ lai lịch) có nhiệm vụ rửa củ cải đỏ, củ cải trắng cho khách hàng tại chợ Đầu mối nông sản thực phẩm X, khu phố 5, phường TB, quận X.

Để rửa củ cải cho mau sạch đẹp và không bị hư thối, S chỉ đạo cho N, V và M liên hệ mua hóa chất (Na_2SO_4) của một người bán hóa chất (không rõ lai lịch) tại chợ TB, quận X để rửa và ngâm củ cải cho khách, giá rửa 01kg củ cải là 500 đồng. Cách thức rửa và ngâm củ cải như sau:

Theo sự chỉ dẫn của S thì sau khi củ cải được rửa qua bằng nước sinh

hoạt thì N, V và M sử dụng 01 muồng cà phê hóa chất pha loãng với nước ngâm được 50kg củ cải. Mỗi ngày, N, V và M dùng hóa chất để ngâm từ khoảng 7 đến 8 tấn củ cải cho khách, thu lợi từ 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng. S trả tiền công cho N, V và M, mỗi người 300.000 đồng/ngày. Ngày 13/4/2018, Phòng PC05 Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra cơ sở chế biến nông sản của S, phát hiện cơ sở chế biến của S đang có hành vi ngâm hóa chất nên thu giữ vật chứng và đưa S về Cơ quan điều tra làm việc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 313/2019/HSST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử: Tuyên bố bị cáo S phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 317; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: bị cáo S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 08/11/2019, bị cáo S kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin hưởng án treo vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các con còn nhỏ và bản thân là lao động chính.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo, cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận, đủ căn cứ xác định bản án hình sự sơ thẩm xét xử bị cáo S về tội “Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm” theo khoản 1 Điều 317 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên cần được xem xét.

Về nội dung bị cáo S kháng cáo xin hưởng án treo, nhưng về nhân thân bị cáo đã từng bị xử lý hành chính về hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh và xả thải ra môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, nhưng chưa nộp phạt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội; thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới và không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật; mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo S là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Bào chữa cho bị cáo S: Luật sư thống nhất với tội danh và khung hình phạt Viện kiểm sát truy tố nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, các con còn nhỏ và

là lao động chính; phạm tội do thiếu hiểu biết, không lường trước được hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình gây ra và phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Để đề nghị cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất trong khung hình phạt bị áp dụng, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Đối với ý kiến của Luật sư đề nghị cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận.

Bị cáo S thống nhất với quan điểm bào chữa của Luật sư nên không tranh luận bổ sung, chỉ đề nghị xin xem xét cho bị cáo hưởng án treo vì đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và mong muốn nhận được mức án khoan hồng để làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và người bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình trong việc sử dụng hóa chất để sản xuất thực phẩm, phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản vụ việc, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, lời khai của người chứng kiến, bản kết luận giám định, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có tại hồ sơ vụ án.

Xét, đã đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 13/4/2018, Phòng PC05 Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành kiểm tra cơ sở chế biến nông sản tại địa chỉ: F45-F47 Đường số 2, khu phố 5, phường TB, quận X, Thành phố M do S làm chủ, phát hiện bắt quả tang S có hành vi sử dụng người lao động là các đối tượng N, V và M (không rõ lai lịch), sử dụng hóa chất nằm ngoài danh mục được phép trong sản xuất thực phẩm; thu giữ toàn bộ vật chứng, gồm: thu giữ, gồm: 1.630 kg củ cải trắng đã được ngâm hóa chất, 1.500 kg củ cải đỏ đã được ngâm hóa chất và 250gram bột màu trắng.

Vật chứng thu giữ của bị cáo S trong vụ án: Theo bản kết luận định giá tài sản số 1511/CV-HDDGTSTTHS ngày 16/07/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Thủ Đức, kết luận có tổng trị giá là 11.875.000 đồng.

- Kết quả giám định 250g bột màu trắng là hóa chất Sodium dithionete ($\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_4$) và Sodium Sulfate (Na_2SO_4).Na.

- Kết quả giám định củ cải đỏ, củ cải trắng thu giữ: có hàm lượng hóa chất Sodium dithionete ($\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_4$) và Sodium Sulfate (Na_2SO_4). Theo quy định tại Thông tư số 02/VBHN-BYT ngày 15/6/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn về

việc quản lý phụ gia thực phẩm thì chất Sodium dithionete ($\text{Na}_2\text{S}_2\text{O}_4$) và Sodium Sulfate (Na_2SO_4) là chất nằm ngoài danh mục được phép sử dụng trong sản xuất thực phẩm.

Như vậy, với vật chứng thu giữ và hành vi sử dụng chất ngoài danh mục được phép trong sản xuất thực phẩm, thuộc trường hợp “giá trị sản phẩm trị giá từ 10.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng” của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo S, về tội “Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 317 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về vệ sinh và an toàn thực phẩm; đe dọa đến sự an toàn về tính mạng và sức khỏe của người tiêu dùng, xâm phạm đến an toàn công cộng. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi vẫn bất chấp sự nghiêm cấm của Nhà nước, cố ý phạm tội.

Về hình thức đơn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/11/2019, bị cáo S có đơn kháng cáo là làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về tình tiết: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính; đề xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đáng ra phải chịu theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo: Bản thân bị cáo S là người sản xuất, kinh doanh thực phẩm có lượng hàng hóa lớn lưu thông ra thị trường tại khu vực Chợ đầu mối quận Thủ Đức trong một thời gian dài từ tháng 11/2017, đã từng bị xử lý hành chính phạt tiền về hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực kinh doanh không đăng ký theo quy định của pháp luật và xả thải ra môi trường vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, nhưng chưa nộp phạt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này; thể hiện thái độ xem thường pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử hình phạt bị cáo S mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù ở mức đầu khung hình phạt bị áp dụng là thỏa đáng, đã xem xét đầy đủ, toàn diện các tình tiết khách quan của vụ án và thể hiện tính khoan hồng của pháp luật; mới đủ tác dụng để răn đe, giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

Xét, bị cáo S kháng cáo xin hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gì mới và không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo nên giữ nguyên án sơ thẩm. Ngoài ra, bản án sơ thẩm tại phần nhận định, Hội đồng xét

xử sơ thẩm có nhận định về điểm, khoản, Điều luật về tội phạm để xét xử đối với bị cáo S, nhưng phần quyết định chưa áp dụng đầy đủ làm căn cứ để quyết định hình phạt bị cáo là có thiếu sót; nên cần bổ sung cho phù hợp quy định của pháp luật.

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

Ý kiến của Luật sư về tình tiết giảm nhẹ và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S, là chưa phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án, chưa đủ tác dụng của hình phạt để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử; nên không có cơ sở để được chấp nhận.

+Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 313/2019/HSST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 317; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội: “Vi phạm quy định về an toàn thực phẩm”. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nội nh:

- TAND TC; (1)
- TAND C_p Cao t_i TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND qu_n Th c; (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- B c_g; (1)
- S T ph_g (1)
- THA qu_n Th c; (2)
- TAND qu_n Th c; (2)
- Czng an qu_n Th c; (1)
- UBND n i b c_g c tr; (2)
- L u: VT, THS, h s; (26) (4)

**TM. H I NG ẮT X P HC TH M
TH M P H N – CH T A P H N T I A**

Nguy n Tu n Anh